

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN F
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 01 - 9 - 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN F TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Đức Hoàn

Bà Phạm Hoàng Dung

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện F, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện F, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện F, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 29/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị A; sinh năm: 1992; HKTT: Thôn C, xã D, huyện F, tỉnh Thanh Hoá; chỗ ở hiện nay: Thôn E, xã Cao A, huyện F, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn:* Anh Cao Văn B; sinh năm: 1986; HKTT: Thôn C, xã D, huyện F, tỉnh Thanh Hoá; chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã D, huyện F, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà vắng mặt chị A, anh B. Chị A đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh B vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/3/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị A trình bày: Chị và anh Cao Văn B kết hôn tự nguyện, đã tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 2012, nhưng mãi đến ngày 05/6/2014 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là

UBND) xã **D**, huyện **F**, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được 09 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Anh **B** không chịu tu chí làm ăn, nuôi dạy con cái, chị và gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 03/2019 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh **B**.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Cao **A** Bảo **G**, sinh ngày 15/8/2014. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **G**, không yêu cầu anh **B** cấp dưỡng nuôi con chung. Chị trình bày: Trước đây, cháu **G** ở với anh **B**, nhưng sau đó chị đã đón cháu về ở cùng, trong thời gian này, cháu bị ốm phải điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện **F**, nhưng anh **B** không đến thăm nom, chăm sóc gì cháu. Ngoài ra, anh bị tai nạn cụt bàn tay phải, khả năng lao động và chăm sóc cháu sẽ rất khó khăn. Chị có công việc và thu nhập ổn định.

Về tài sản: Chị **A** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Cao Văn **B** không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng cũng có phát sinh mâu thuẫn nhỏ. Những lúc giận nhau thì anh có chửi chị **A**. Nhưng anh xét thấy vợ chồng vẫn còn tình cảm, cùng nhau nuôi dạy con cái nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Cao **A** Bảo **G**, sinh ngày 15/8/2014. Trước đây cháu ở với anh, nhưng thời gian gần đây, cháu ở với chị **A**. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **G**, không yêu cầu chị **A** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh **B** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị **A** đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh **B** không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Phạm Thị **A** được ly hôn anh Cao Văn **B**. Giao cháu Cao **A** Bảo **G**, sinh ngày 15/8/2014 cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **B** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo ý kiến trình bày của hai bên đương sự: Chị **A** và anh **B** thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản, không thống nhất được về phần hôn nhân và con cái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Cao Văn **B** không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh **B** theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh **B** đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh **B** đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Toà án cũng đã triệu tập họp lệ anh **B** lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng anh **B** vẫn không có mặt mà không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt anh **B**.

Chị Phạm Thị **A** đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt chị **A**.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị **A** và anh Cao Văn **B** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/6/2014 tại UBND xã **D**, huyện **F**, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Anh **B** cũng thừa nhận những lúc giận nhau anh có chửi chị **A**. Hiện chị **A** đã về nhà bố mẹ để sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh **B** lên làm việc để hoà giải đoàn tụ vợ chồng nhưng anh **B** đều không có mặt, thể hiện anh **B** không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ chị **A**, anh **B** đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị **A** được ly hôn anh **B**.

[3] Về con cái: Chị **A** và anh **B** có 01 con chung. Chị **A** và anh **B** đều có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **G**. Nguyện vọng của hai bên là hoàn toàn chính đáng. Xét thấy, hiện tại cháu đang ở với chị **A**. Anh **B** bị cụt bàn tay phải, khả năng lao động và chăm sóc cháu sẽ bị hạn chế. Chị **A** có công việc và thu nhập ổn định. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị **A**, giao cháu **G** cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của chị **A**, anh **B** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Chị **A**, anh **B** không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị **A** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; 227; 228; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị **A** được ly hôn anh Cao Văn **B**.

2. Về con cái: Giao cháu Cao **A** Bảo **G**, sinh ngày 15/8/2014 cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **B** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh **B** có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị **A** phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện **F**, theo biên lai số AA/2019/0011858 ngày 29/4/2020. Chị **A** đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị **A**, anh **B**. Chị **A**, anh **B** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã **D**;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Đức Hoàn

Phạm Hoàng Dung

Nguyễn Thanh Tân

